

Bản án số: 95 /2023/DS-ST
Ngày: 07/7/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay T sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phan Thị Hồng Hoa

2/ Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký
Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị
Thanh Hà -Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN S xét xử sơ thẩm công
khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 44/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 03 năm 2023 về
việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay T sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
74/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số
52/2023/QĐST-DS ngày 28/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trụ sở: Lầu 8 số 266-268 đường K, Phường S, Quận B, THÀNH PHỐ H

Người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Tấn T, sinh năm 1990. (Văn bản ủy
quyền số 58/2023/GUQ-CNBT ngày 06/02/2023) (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Hữu D, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 308 đường L, Phường H, Quận S, THÀNH PHỐ H;

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, phía nguyên đơn do ông Dương
Tấn T – đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày: Ngày
17/5/2016 ông Trần Hữu D có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (chi nhánh Bến
Thành) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp*

đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, để vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ thu nhập của ông Trần Hữu D, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông D với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng. Theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng quyết định (**theo biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng Sacombank**), thời hạn thanh toán là ngày **15 hàng tháng**. Ngân hàng đã phát hành và giao thẻ cho ông Trần Hữu D ngày 25/6/2016.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Hữu D đã thực hiện các giao dịch từ tháng 6/2016 đến tháng 01/2020 với tổng số tiền gốc là **578.208.045 đồng**. **Từ tháng 6/2016 đến ngày 15/6/2022 ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 712.722.534 đồng (tiền gốc: 358.257.328 đồng, phí và lãi là 354.465.206 đồng)**. **Từ ngày 16/6/2022 đến nay ông D không thanh toán cho Ngân hàng.**

Do ông Trần Hữu D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trần Hữu D không có thiện chí trả nợ. Ngày **16/9/2022** Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông D, chuyển toàn bộ nợ dư còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu cá nhân ông Trần Hữu D thanh toán tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 07/7/2023 là **297.813.312 đồng** trong đó nợ gốc là 219.950.717 đồng, **lãi quá hạn: 77.862.595 đồng** và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần toàn bộ ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Hữu D trình bày:

Ngày 17/5/2016 ông D có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S, hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng. Ông D trả tiền không đúng thời hạn cho Ngân hàng và sau khi dịch bệnh xảy ra ông D đã mất khả năng thanh toán do làm ăn thua lỗ. Ông D đề nghị Ngân hàng cho ông thanh toán mỗi tháng 25.000.000 đồng vào ngày 25 tây hàng tháng, để số dư nợ là **281.158.029 đồng** tính đến ngày 05/5/2023 của ông D nợ Ngân hàng giảm dần cho đến hết nợ, bắt đầu thực hiện từ ngày 25/5/2023.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn - ông Trần Hữu D vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN Sphát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng,

nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn ông Trần Hữu D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]-Thẩm quyền loại việc:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Trần Hữu D yêu cầu thanh toán tiền vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp dân sự: “Hợp đồng dân sự vay T sản”.

[2]-Thẩm quyền lãnh thổ:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện ông Trần Hữu D có hộ khẩu thường trú tại số 308 đường L, Phường H, Quận S, THÀNH PHỐ H. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Hữu D vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Tấn T có xin xét xử vắng mặt và được hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Căn cứ vào thời điểm ông Trần Hữu D ngừng thanh toán các khoản theo thỏa thuận cho Ngân hàng TMCP S bắt đầu vào ngày 16/6/2022. Ngày 28/02/2023 Ngân hàng TMCP S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 6. Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429, 688 Bộ luật dân sự 2015 nên việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung:

[1]- Ngày 17/5/2016, ông Trần Hữu D có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngân hàng đã phát hành và giao thẻ cho ông Trần Hữu D ngày 25/6/2016. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Hữu D đã thực hiện các giao dịch từ tháng 6/2016 đến tháng 01/2020 với tổng số tiền là 578.208.045 đồng. Từ tháng 6/2016 đến ngày 15/6/2022 ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 712.722.534 đồng (tiền gốc: 358.257.328 đồng, phí và lãi là 354.465.206 đồng). Từ ngày 16/6/2022 đến nay ông D không thanh toán cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông D, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu cá nhân ông Trần Hữu D thanh toán tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 07/7/2023 là 297.813.312 đồng trong đó nợ

gốc là 219.950.717 đồng, **lãi quá hạn: 77.862.595 đồng** và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần toàn bộ ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/5/2016 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Trần Hữu D, có chữ ký xác nhận của hai bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Thực hiện hợp đồng sau khi được nhận thẻ tín dụng từ tháng 06/2016 đến tháng 01/2020 ông D đã thực hiện các giao dịch với số tiền 578.208.045 đồng. Từ ngày 16/6/2022 do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Trong quá trình giải quyết ông D có đề nghị xin được trả dần mỗi tháng 25.000.000 đồng từ ngày 25/5/2023 cho đến khi trả hết nợ nhưng đến nay ông D cũng không thực hiện. Vì vậy Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Trần Hữu D phải có trách nhiệm thanh toán các khoản còn nợ tạm tính đến ngày 07/7/2023 là **297.813.312 đồng** trong đó nợ gốc là 219.950.717 đồng, **lãi quá hạn: 77.862.595 đồng**, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và đúng quy định tại điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận

[2]- Căn cứ án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 có nội dung: “*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này...*”. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Hữu D tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Hữu D phải chịu 14.890.660 đồng án phí dân sự sơ thẩm .
- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 6.448.956 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 385, 429, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;
- Áp dụng Điều 48 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Trần Hữu D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền **297.813.312** (hai trăm chín mươi bảy triệu tám trăm mười ba ngàn ba trăm mười hai) đồng trong đó: nợ gốc là 219.950.717 (hai trăm mười chín triệu chín trăm năm mươi ngàn bảy trăm mười bảy) đồng, **lãi quá hạn: 77.862.595** (bảy mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm chín mươi lăm) đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 07/7/2023 ông Trần Hữu D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Hữu D phải chịu 14.890.660 đồng án phí dân sự sơ thẩm
- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.448.956 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013073 ngày 16/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ H;
-Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
-Chi Cục Thi hành án dân sự Quận S;
-Các đương sự;
-Lưu VP, HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thu